

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang, không có tranh chấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5424/TTr-STNMT ngày 29 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hạn mức giao đất nông nghiệp để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang, không có tranh chấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai.

b) Cá nhân sử dụng đất và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Hạn mức giao đất nông nghiệp để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang, không có tranh chấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bến Tre như sau

1. Hạn mức giao đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối không quá 03ha cho mỗi loại đất.

2. Hạn mức giao đất cho các loại đất gồm: đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng, đất nông nghiệp khác không quá 05ha cho mỗi loại đất.

3. Trường hợp cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp mà vượt hạn mức theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức; cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu thi hành kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ pháp chế - Bộ TNMT (kiểm tra);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ TP (kiểm tra);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo Đồng Khởi;
- Đài PT&TH Bến Tre;
- Phòng: TH, KT, TCĐT, NC; Ban TCD;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NKP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Cảnh